

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2014 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-BNN-KH ngày 28/2/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học;

Tiếp theo Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học;

Căn cứ văn bản số 3507/DANN-QSEAP ngày 13/12/2013 của Ban quản lý các dự án nông nghiệp về việc kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2014;

Xét Tờ trình số 34/TTr-SNN ngày 12/3/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2014 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2014 dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học với những nội dung chính như sau:

a) Tổng vốn: 68.062 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ADB: 60.356 triệu đồng.

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 7.706 triệu đồng.

b) Chi tiết từng hợp phần:

- Hợp phần 1: Phát triển khung thể chế và hệ thống sản phẩm nông nghiệp, an toàn chất lượng: 520 triệu đồng.

- Hợp phần 2 - Triển khai sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm an toàn, chất lượng: 67.288 triệu đồng.

- Hợp phần 3 - Phát triển chương trình khí sinh học: Không
- Hợp phần 4 - Quản lý dự án: 254 triệu đồng.

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo Ban quản lý dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học tổ chức thực hiện theo đúng quy định của dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học tỉnh và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. / . *ys*

Nơi nhận :

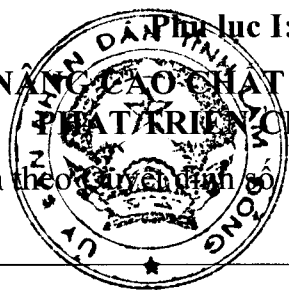
- CT, các PCT;
- BQL các DANN-Bộ NN&PTNT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NN, TC;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phụ lục I: KẾ HOẠCH CHI TIẾT NĂM 2014
DỰ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH KHÍ SINH HỌC (QSEAP)

(Kèm theo Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh)



| Stt | HẠNG MỤC CHI TIÊU | Kế hoạch chi tiết năm 2014 | | | | | |
|-----------|---|----------------------------|--------------|------------|---------------|---------------|--------------|
| | | 1.000USD | | | Triệu VNĐ | | |
| | | Tổng | ADB | ĐƯ | Tổng | ADB | ĐƯ |
| | Tổng Cộng | 3.230 | 2.865 | 366 | 68.062 | 60.356 | 7.706 |
| I | HP1. Phát triển khung thể chế và hệ thống sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng | 25 | 8 | 17 | 520 | 161 | 359 |
| 1.1 | Hỗ trợ để xây dựng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm cây trồng | 25 | 8 | 17 | 520 | 161 | 359 |
| II | HP2. Triển khai sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng | 3.194 | 2.853 | 340 | 67.288 | 60.116 | 7.172 |
| 1 | Quy hoạch vùng Nông nghiệp an toàn (SAZ) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phát triển cơ sở hạ tầng trong vùng SAZ | 2.524 | 2.251 | 273 | 53.181 | 47.420 | 5.761 |
| 2.1 | Thiết kế mô hình SAZ: Lập Tiểu dự án cho mô hình SAZ (bao gồm cả lập và đánh giá HSMT) | | | | | | |
| 2.2 | Giám sát xây dựng mô hình SAZ | 9 | 0 | 9 | 191 | 0 | 191 |
| 2.3 | Chi phí xây lắp và thiết bị cơ sở hạ tầng | 2.501 | 2.251 | 250 | 52.689 | 47.420 | 5.269 |
| 2.4 | Chi phí khác (thăm tra thiết kế, thẩm định BC KTKT, bảo hiểm công trình,...) | 14 | 0 | 14 | 301 | 0 | 301 |
| 3 | Hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm | 32 | 29 | 3 | 671 | 604 | 67 |
| 3.1 | Hỗ trợ cấp chứng nhận sản phẩm và xây dựng năng lực giám sát và đánh giá cấp tỉnh | 32 | 29 | 3 | 671 | 604 | 67 |
| 4 | Đào tạo GAP, HACCP, Thực hành dựa trên tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nông trại | 41 | 37 | 4 | 863 | 777 | 86 |
| 4.1 | Đào tạo GAP, HACCP, Thực hành dựa trên tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nông trại | 41 | 37 | 4 | 863 | 777 | 86 |
| 5 | Thay thế giống dễ sâu bệnh bằng giống chịu được sâu bệnh | 597 | 537 | 60 | 12.573 | 11.316 | 1.257 |
| 5.1 | Thay thế giống dễ sâu bệnh bằng giống chịu được sâu bệnh | 597 | 537 | 60 | 12.573 | 11.316 | 1.257 |

| Stt | HẠNG MỤC CHI TIÊU | Kế hoạch chi tiết năm 2014 | | | | | |
|------------|---|----------------------------|----------|----------|------------|-----------|------------|
| | | 1.000USD | | | Triệu VNĐ | | |
| | | Tổng | ADB | ĐÚ | Tổng | ADB | ĐÚ |
| III | HP3. Phát triển khí sinh học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3.1 | Hỗ trợ xây dựng công trình KSH | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3.2 | Hỗ trợ tài chính cho các công trình KSH | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| IV | HP4. Quản lý dự án | 12 | 4 | 8 | 254 | 79 | 175 |
| 4.1 | Tủ, bàn ghế và đồ dùng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4.2 | Chi thường xuyên | 12 | 4 | 8 | 254 | 79 | 175 |